TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/04/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thắm và ông Nguyễn Đức Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Lữ Thu Thuỳ Dung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20/04/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2025/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2026/QĐHPT – HNGĐ ngày 03/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: 7, khu K, quận N, thành phố O, tỉnh Okayama, Nhật Bản. (vắng mặt).

** Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 2001; anh Bùi Văn C, sinh năm 2003 và anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002. Đều có địa chỉ tại: Số C, ngõ A N, phường Y, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2025). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng K1, sinh năm 1984, nơi đăng ký thường trú: thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện tại: Nhật Bản. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị B, sinh năm 1956; nơi cư trú: thôn C, xã B, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai; nguyên đơn – chị Hoàng Thị G trình bày như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng K1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cũ (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống của vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, khiến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và không còn duy trì được sự gắn kết, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc; cả chị G và anh K1 đều đã cảm thấy mệt mỏi, không thể tiếp tục được nữa.

Nay chị G xác định tình cảm không còn, mẫu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hoà hợp, hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng K1.

1.2. Về con chung: Chị và anh Hoàng K1 có 02 con chung là cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Hoàng Mạnh V, sinh ngày 12/11/2009. Ly hôn, chị G đề nghị Toà án giao cháu Hoàng Thảo L và cháu Hoàng Mạnh V cho anh K1 trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình đã xác minh, làm rõ hiện nay anh Hoàng K1 đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể) nên Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật cho bà Lê Thị B – mẹ đẻ của anh Hoàng K1 và đề nghị bà B cam kết thông báo cho anh K1 biết. Tuy nhiên, bị đơn anh K1 vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Hoàng K1. Khi bà nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình về việc chị Hoàng Thị G kiện ly hôn anh Hoàng K1 thì anh K1 đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Sau đó bà có nói chuyện với anh K1 qua mạng xã hội về việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình đang thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị G đối với anh K1 và Tòa án yêu cầu anh K1 có văn bản trình bày quan điểm. Tuy nhiên anh K1 nói là anh không làm văn bản, không cung cấp địa chỉ của anh tại Nhật Bản để Tòa án triệu tập, tiến hành các thủ tục tố tụng khác. Bà từ chối cung cấp số điện thoại, địa chỉ của anh K1 cho Tòa án.

Bà xác định mỗi lần bà nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án giao thì bà đều thông báo cho anh K1 biết tuy nhiên anh K1 nói chuyện ly hôn là việc riêng của anh K1 và chị G; cứ để Tòa án giải quyết theo quy định.

Bà xác định; hiện cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Hoàng Mạnh V, sinh ngày 12/11/2009 là con chung của chị G anh K1 đang ở với bà. Nếu Tòa án giải quyết cho chị G ly hôn anh K1 thì tiếp tục giao cháu L, cháu V cho bà nuôi dưỡng do chị G, anh K1 đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Bà không yêu cầu anh K1, chị G phải gửi tiền về cho bà để nuôi dưỡng các cháu.

4. Tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đầy đủ đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị G: Xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Hoàng K1.

+ Về con chung: Giao cháu Hoàng Mạnh V, sinh ngày 12/11/2009 cho anh Hoàng K1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Hoàng Mạnh V cho bà Lê Thị B nuôi dưỡng trong thời gian anh Hoàng K1 sinh sống và làm việc tại nước ngoài.

+ Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Nguyên đơn – chị G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn – anh K1 không có quan điểm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"; chị Hoàng Thị G và anh Hoàng K1 đều có quốc tịch Việt Nam nhưng cả chị G, anh K1 hiện đều sinh sống và làm việc tại Nhật Bản vì vậy đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình được quy định tại Điều 35, Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét chị G và người đại diện theo ủy quyền của chị G đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với sự vắng mặt của anh K1, bà B: Xét hiện anh K1 đang sinh sống làm việc tại Nhật Bản tuy nhiên vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ và các con. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho mẹ đẻ anh K1 là bà B và bà B đã thông báo cho anh K1 biết. Anh K1 biết việc Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện ly hôn của chị G nhưng không cung cấp địa chỉ là cố tình giấu địa chỉ. Xét thấy, anh K1, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh K1, bà B và những người đại diện theo ủy quyền của chị G là đúng quy định.

[3] Đối với việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G và anh Hoàng K1 kết hôn tự nguyện, được cấp Giấy đăng ký kết hôn ngày 10/10/2006 tại UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ đơn khởi kiện và các bản tự khai mà chị G gửi Tòa án; Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị G luôn bày tỏ nguyện vọng được ly hôn anh K1. Qua lời trình bày của bà B là mẹ đẻ anh K1 và của cháu L, cháu V là con của anh K1 thì anh K1 biết việc Tòa án đang giải quyết đơn khởi kiện ly hôn của chị G; mẹ đẻ anh K1 và các con của anh K1 đều khuyên bảo để anh K1 có hành động, lời nói khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên anh K1 vẫn bỏ mặc cho sự việc xảy ra.

Xét thấy chị G kiên quyết ly hôn, anh K1 không có việc làm gì để khắc phục mâu thuẫn nên khả năng chị G anh K1 đoàn tụ là không còn. Hội đồng xét xử xét xử cho chị G được ly hôn anh K1 là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị G và anh Hoàng K1 có 02 con chung là cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 04/8/2007 và cháu Hoàng Mạnh V, sinh ngày 12/11/2009; hiện 02 cháu đang ở với bà Lê Thị B là mẹ đẻ của anh K1.

Xét thấy cháu L đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết việc cháu L ở với ai khi chị G anh K1 ly hôn.

Đối với cháu Hoàng Mạnh V, xét thấy: Chị G đề nghị giao cháu cho anh K1 nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu; anh K1 không có quan điểm vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh K1 nuôi. Tuy nhiên do anh K1 hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, cháu V đang ở với bà nội nên trong thời gian anh K1 sinh sống, làm việc tại nước ngoài thì tạm giao cháu V cho bà Lê Thị B là mẹ đẻ anh K1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Đối việc cấp dưỡng nuôi cháu V do bà B không yêu cầu, anh K1 không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này.

[3.3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Hoàng Thị G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh K1 không có quan điểm về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị G là người phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469 và các khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị G: Xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Hoàng K1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Mạnh V, sinh ngày 12/11/2009 cho anh Hoàng K1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Tạm giao cháu Hoàng Mạnh V cho bà Lê Thị B nuôi dưỡng trong thời gian anh Hoàng K1 sinh sống và làm việc tại nước ngoài.

Chị Hoàng Thị G được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Hoàng K1 và gia đình anh K1 không được cản trở việc chị G thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị G phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Hoàng Thị G đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Ninh Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001764 ngày 15/10/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị G phải nộp. Chị G đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị G và anh Hoàng K1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 6 – Ninh Bình;
- UBND xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Trần Anh Dũng